|  |  |
| --- | --- |
| **BỘ TƯ PHÁP** Số: **52** /BCTĐ-BTP | **CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM****Độc lập - Tự do - Hạnh phúc***Hà Nội, ngày 14 tháng 05 năm 2021* |

**BÁO CÁO THẨM ĐỊNH**

**Dự án Luật Thanh tra (sửa đổi)**

Kính gửi:

* Thanh tra Chính phủ;
* Văn phòng Chính phủ

Bộ Tư pháp nhận được Công văn số 603/TTCP-PC ngày 15/4/2021 của Thanh tra Chính phủ đề nghị thẩm định dự án Luật Thanh tra (sửa đổi). Ngày 29/4/2021, Bộ Tư pháp đã tổ chức cuộc họp Hội đồng thẩm định[[1]](#footnote-1). Trên cơ sở ý kiến của các thành viên Hội đồng và qua nghiên cứu hồ sơ dự án Luật, Bộ Tư pháp có ý kiến thẩm định như sau:

**I. SỰ CẦN THIẾT BAN HÀNH LUẬT**

Luật Thanh tra năm 2010 được Quốc hội thông qua đã thiết lập hành lang pháp lý quan trọng trong việc hoàn thiện tổ chức và nâng cao chất lượng của hoạt động thanh tra, góp phần tăng cường hiệu quả của quản lý nhà nước. Tuy nhiên, qua hơn 10 năm thực hiện, Luật Thanh tra cũng đã bộc lộ những hạn chế, bất cập, ví dụ: chưa phân biệt rõ hoạt động thanh tra theo ngành, lĩnh vực quản lý (thanh tra chuyên ngành) với thanh tra việc thực hiện chức trách, nhiệm vụ (thanh tra hành chính); giữa thanh tra với kiểm tra thường xuyên; còn có sự chồng chéo, trùng lắp về phạm vi thanh tra giữa các cơ quan thanh tra và giữa cơ quan thanh tra với cơ quan kiểm toán; quy định về trình tự, thủ tục thanh tra còn thiếu chặt chẽ, chưa phù hợp với thực tiễn, không đề cao trách nhiệm của cơ quan thanh tra và cán bộ thanh tra; thiếu cơ chế giám sát hoạt động của đoàn thanh tra…

Ngày 15/7/2020, Ủy ban Thường vụ Quốc hội ban hành Nghị quyết số 977/NQ-UBTVQH14 về việc thực hiện Nghị quyết của Quốc hội về Chương trình xây dựng luật, pháp lệnh năm 2021, điều chỉnh Chương trình xây dựng luật, pháp lệnh năm 2020 đã quyết nghị Luật Thanh tra (sửa đổi) sẽ được phân công Chính phủ trình Quốc hội khóa XV tại Kỳ họp thứ 2 (tháng 10/2021). Do đó, Bộ Tư pháp nhất trí về sự cần thiết ban hành Luật Thanh tra (sửa đổi) nhằm thể chế hóa đầy đủ chủ trương, đường lối, chính sách của Đảng, Nhà nước về tổ chức và hoạt động thanh tra; khắc phục những tồn tại, bất cập hiện nay; đồng thời, nâng cao chất lượng của hoạt động thanh tra - với tư cách là một thiết chế kiểm soát quyền lực nhà nước - giúp phát hiện và xử lý vi phạm pháp luật, bảo vệ hiệu quả quyền con người, quyền công dân.

**II. Ý KIẾN THẨM ĐỊNH TỪNG NỘI DUNG**

**1. Sự phù hợp của nội dung dự án Luật đối với chủ trương, đường lối của Đảng**

Trong thời gian qua, Đảng và Nhà nước đã ban hành nhiều chủ trương, đường lối, định hướng có liên quan đến kiện toàn tổ chức, hoạt động của ngành Thanh tra[[2]](#footnote-2). Bộ Tư pháp nhận thấy, dự án Luật về cơ bản đã thể chế hóa các chủ trương, đường lối, chính sách của Đảng về công tác thanh tra tại các văn bản nêu trên; trong đó quán triệt quan điểm về việc thực hiện đổi mới, kiện toàn, sắp xếp tổ chức bộ máy ngành thanh tra; tăng cường tính chất chủ động, tự chịu trách nhiệm của các cơ quan thanh tra trong việc thực hiện chức năng, nhiệm vụ; thể hiện rõ nguyên tắc phân cấp, phân quyền giữa các cơ quan quản lý nhà nước và người có thẩm quyền trong hoạt động lãnh đạo, giám sát công tác thanh tra; sửa đổi, bổ sung, hoàn thiện các quy định về phạm vi hoạt động, mối quan hệ công tác giữa cơ quan thanh tra và cơ quan kiểm toán, giữa thanh tra và kiểm tra để khắc phục tình trạng chồng chéo trong quá trình thực hiện nhiệm vụ...

Tuy nhiên, Bộ Tư pháp cho rằng, một số nội dung tại dự án Luật vẫn cần phải được tiếp tục nghiên cứu, đánh giá về sự phù hợp với chủ trương, đường lối của Đảng gắn với yêu cầu sửa đổi Luật Thanh tra. Ví dụ: việc dự kiến thành lập cơ quan thanh tra tại các Tổng cục, Cục đặt trong mối tương quan với chỉ đạo của Đảng về sắp xếp, tinh gọn bộ máy theo Nghị quyết số 18-NQ/TW: *“Tập trung rà soát, sắp xếp, kiện toàn, tinh gọn đầu mối bên trong các tổ chức của hệ thống chính trị gắn với tinh giản biên chế, cơ cấu lại và nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức…Việc sắp xếp lại tổ chức bộ máy không được tăng thêm đầu mối và biên chế”; “Các bộ, ngành, cơ quan thuộc Chính phủ chủ động rà soát, sắp xếp, tinh gọn đầu mối bên trong, giảm cơ bản số lượng tổng cục, cục, vụ, phòng…”;* việc phân biệt chức năng thanh tra và kiểm tra trên các phương diện: khái niệm, đặc điểm, nguyên tắc, chủ thể, phương thức thực hiện, … để đáp ứng yêu cầu của Nghị quyết số 48-NQ/TW về chiến lược xây dựng và hoàn thiện hệ thống pháp luật: ***“hoàn thiện pháp luật về tổ chức và hoạt động thanh tra, kiểm tra****, bảo đảm mọi hoạt động quản lý nhà nước đều chịu sự thanh tra, kiểm tra của Chính phủ”*, đồng thời, khắc phục tình trạng chồng chéo, trùng lắp giữa thanh tra và kiểm tra trong quá trình thực hiện, góp phần đưa thanh tra thực sự trở thành một công cụ kiểm soát quyền lực, bảo vệ hiệu quả quyền con người, quyền công dân.

**2. Sự phù hợp của nội dung dự án Luật với mục đích, yêu cầu, phạm vi điều chỉnh, chính sách trong đề nghị xây dựng Luật**

Tại Tờ trình số 2434/TTr-TTCP ngày 26/12/2019 của Thanh tra Chính phủ gửi Chính phủ về đề nghị xây dựng Luật Thanh tra (sửa đổi) đưa ra 06 chính sách, bao gồm: *(1) Hoàn thiện mô hình, tổ chức, chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của các cơ quan thanh tra nhà nước theo cấp hành chính; (2) Đổi mới tổ chức và hoạt động thanh tra các Bộ, ngành; tổ chức cơ quan thanh tra phù hợp với đặc điểm của từng bộ, ngành; phân biệt rõ giữa thanh tra theo lĩnh vực quản lý (thanh tra chuyên ngành) với thanh tra việc thực hiện chức trách nhiệm vụ, công vụ (thanh tra hành chính); giữa thanh tra và các hình thức kiểm tra thường xuyên của cơ quan quản lý;(3) Đổi mới hoạt động thanh tra theo hướng có trọng tâm, trọng điểm, tránh chồng chéo; nâng cao trách nhiệm của Đoàn thanh tra và chất lượng Kết luận thanh tra; (4) Đổi mới cơ chế giám sát hoạt động của Đoàn thanh tra; phòng ngừa, ngăn chặn và xử lý kịp thời các hành vi tiêu cực, sách nhiễu trong hoạt động thanh tra, tránh lạm quyền gây khó khăn phiền hà cho tổ chức, cá nhân là đối tượng thanh tra; (5) Bảo đảm hiệu lực thực hiện các Kết luận thanh tra; chú trọng việc thu hồi tiền, tài sản vi phạm pháp luật qua hoạt động thanh tra; (6) Phân biệt rõ tổ chức và hoạt động của cơ quan thanh tra nhà nước với tổ chức và hoạt động giám sát của nhân dân thông qua các Ban thanh tra nhân dân*. Qua rà soát, Bộ Tư pháp nhận thấy, nội dung của dự thảo Luật đã bám sát các chính sách để cụ thể hóa thành các quy định cụ thể. Tuy nhiên, còn một số nội dung cơ bản của dự án Luật chưa thể hiện được đầy đủ tính thống nhất với các đề nghị xây dựng chính sách nêu trên, cụ thể như sau:

*- Chính sách 1:* Nội dung của chính sách này hướng tới việc cơ quan thanh tra nhà nước sẽ được tổ chức tinh gọn, tập trung ở hai cấp hành chính, tại trung ương và cấp tỉnh; không thành lập cơ quan thanh tra cấp huyện. Tuy nhiên, dự án Luật hiện nay vẫn tiếp tục quy định việc thành lập thanh tra huyện khi đáp ứng các điều kiện cụ thể (Điều 35). Mặt khác, chính sách 1 về kiện toàn các cơ quan thanh tra nhà nước theo cấp hành chính cũng không thể hiện nội dung sẽ sắp xếp lại Thanh tra Sở theo hướng chỉ tổ chức “cứng” tại một số Sở: Xây dựng, Giao thông vận tải, Y tế… như quy định tại khoản 3 Điều 31 dự thảo Luật.

- *Chính sách 2:* Nội dung chính sách này quy định trách nhiệm tổ chức hoạt động thanh tra cho các bộ căn cứ vào đặc điểm của hoạt động quản lý nhà nước theo từng ngành, lĩnh vực. Theo đó, chính sách đưa ra giải pháp Luật sẽ chỉ quy định nguyên tắc tổ chức và chức năng Thanh tra theo ngành, lĩnh vực và giao Chính phủ quy định cụ thể về mô hình tổ chức, chức năng, nhiệm vụ cũng như tổ chức và hoạt động của Thanh tra từng bộ, ngành. Bên cạnh đó, một số ngành, lĩnh vực ngoài tổ chức Thanh tra Bộ, sẽ có tổ chức thanh tra theo yêu cầu của các điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên (hàng không, hàng hải, chứng khoán…). Như vậy, nội dung chính sách này không đề cập đến việc sẽ thành lập đơn vị thanh tra tại các Tổng cục, Cục như quy định tại Điều 23 dự thảo Luật.

- *Chính sách 6:* Mục tiêu của Chính sách 6 là tách nội dung về thanh tra nhân dân ra khỏi Luật Thanh tra. Do vậy, Luật Thanh tra mới không có nội dung về thanh tra nhân dân nhưng có khẳng định các quy định về tổ chức và hoạt động thanh tra nhân dân hiện hành (tại Luật Thanh tra 2010 và các văn bản hướng dẫn thi hành) vẫn có hiệu lực cho đến khi Luật Thanh tra nhân dân được ban hành. Tuy nhiên, Chương IX dự thảo Luật này vẫn tiếp tục quy định về thanh tra nhân dân. Như vậy, phạm vi điều chỉnh của dự án Luật gần như không có sự thay đổi so với Luật Thanh tra năm 2010 khi vẫn quy định nội dung về thanh tra nhà nước và thanh tra nhân dân.

Như vậy, so với các chính sách tại giai đoạn đề nghị xây dựng Luật, dự thảo Luật hiện nay đã có nhiều thay đổi. Bộ Tư pháp cho rằng, đây là những vấn đề mới, lớn và có tác động trực tiếp đến cơ cấu tổ chức, biên chế, chức năng nhiệm vụ không chỉ của các cơ quan thanh tra mà còn liên quan đến chức năng, nhiệm vụ của các cơ quan quản lý nhà nước khác trong hệ thống chính trị; đồng thời, có ảnh hưởng đến tính ổn định, đồng bộ, thống nhất của hệ thống pháp luật nhưng chưa được lý giải, làm rõ tại dự thảo Tờ trình một cách đầy đủ, cụ thể. Do vậy, Bộ Tư pháp đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo giải trình về sự khác biệt giữa các nội dung chính sách tại giai đoạn đề nghị xây dựng Luật và những quy định mới tại dự án Luật; bên cạnh đó, cần thuyết minh, cung cấp bổ sung các cơ sở khoa học, cơ sở thực tiễn liên quan đến việc sắp xếp, thay đổi tổ chức bộ máy của các cơ quan thanh tra; đặc biệt, sớm hoàn thiện Đề án kiện toàn, sắp xếp lại tổ chức bộ máy cơ quan thanh tra để làm cơ sở cho việc xem xét các vấn đề này[[3]](#footnote-3).

**3. Tính hợp hiến, hợp pháp, tính thống nhất của dự án Luật với hệ thống pháp luật; tính tương thích với điều ước quốc tế có liên quan mà nước Cộng hòa Xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên**

**3.1. Tính hợp hiến, hợp pháp, tính thống nhất của dự án Luật với hệ thống pháp luật**

Bộ Tư pháp nhận thấy, nội dung của dự thảo Luật liên quan đến nhiều văn bản quy phạm pháp luật trong hệ thống pháp luật Việt Nam: Luật Xử lý vi phạm hành chính, Luật Quản lý thuế, Luật Chứng khoán, Bộ luật Hàng hải, Luật Hàng không dân dụng, Luật Tổ chức Chính quyền địa phương, Luật Tổ chức Chính phủ, Luật Tiếp công dân… Do đó, để bảo đảm tính hợp pháp, tính thống nhất, đồng bộ của dự thảo Luật với hệ thống pháp luật, đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo rà soát kỹ lưỡng các quy định của dự thảo Luật này, trường hợp cần thiết thì kiến nghị sửa đổi, bổ sung cụ thể các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan *(Xem tại mục 7 và 8 Chương II Báo cáo thẩm định)*.

**3.2. Tính tương thích với điều ước quốc tế có liên quan mà nước Cộng hòa Xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên**

Về cơ bản, nội dung dự thảo Luật không có nội dung trái với điều ước quốc tế có liên quan mà nước Cộng hòa Xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên. Tuy nhiên, khoản 3 Điều 43 quy định: *“đối với những ngành, lĩnh vực đặc thù có cơ quan thanh tra* ***được thành lập theo quy định của Điều ước quốc tế thì Thủ tướng Chính phủ bổ nhiệm theo đề nghị của Bộ trưởng và Tổng thanh tra Chính phủ****”*. Bộ Tư pháp cho rằng, hiện nay, pháp luật chuyên ngành đã quy định một số ngành, lĩnh vực thành lập các cơ quan thanh tra theo quy định của Điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên. Tuy nhiên, đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo giải trình rõ cơ sở của quy định Thủ tướng Chính phủ bổ nhiệm thanh tra viên trong những trường hợp này. Ví dụ, Công ước chung về An toàn quản lý nhiên liệu đã qua sử dụng và chất thải phóng xạ năm 1997 yêu cầu mỗi thành viên Công ước sẽ thiết lập và duy trì một khung pháp luật để điều chỉnh an toàn trong quản lý nhiên liệu đã qua sử dụng và chất thải phóng xạ, trong đó, khung pháp lý phải có quy định về: *“một hệ thống kiểm soát thể chế phù hợp, thanh tra chuyên ngành, lập hồ sơ và báo cáo”* nhưng Công ước không có quy định nào yêu cầu Thủ tướng Chính phủ các quốc gia thành viên Công ước phải bổ nhiệm Thanh tra viên trong lĩnh vực này. Luật Năng lượng nguyên tử năm 2008 cũng quy định về chức năng thanh tra của cơ quan an toàn bức xạ và hạt nhân nhưng cũng không có quy định về trình tự, thủ tục bổ nhiệm thanh tra viên.

**4. Sự cần thiết, tính hợp lý, chi phí tuân thủ các thủ tục hành chính trong dự thảo, nếu trong dự thảo văn bản quy định thủ tục hành chính**

Dự thảo Luật Thanh tra (sửa đổi) không có quy định về thủ tục hành chính theo quy định của pháp luật về kiểm soát thủ tục hành chính, do đó, không phát sinh chi phí tuân thủ cho các cá nhân, tổ chức.

**5. Điều kiện bảo đảm về nguồn nhân lực, tài chính để bảo đảm thi hành văn bản quy phạm pháp luật**

Dự thảo Luật dự kiến thành lập cơ quan thanh tra tại các Cục, Tổng cục trong một số ngành, lĩnh vực (Điều 23); dự kiến giao Thanh tra tỉnh quản lý Ban tiếp công dân của tỉnh và giao một Phó chánh Thanh tra tỉnh làm Trưởng Ban (Điều 130); quy định Thanh tra tỉnh thực hiện chức năng thanh tra chuyên ngành tại những Sở không tổ chức thanh tra (Điều 28, 31)… Các quy định này dẫn tới thay đổi trong tổ chức bộ máy, sắp xếp đội ngũ công chức trong hệ thống các cơ quan nhà nước và cơ quan thanh tra; đồng thời, phát sinh yêu cầu về nguồn lực, tài chính để thực hiện việc thay đổi, điều chuyển, sắp xếp lại đội ngũ cán bộ dôi dư. Tuy nhiên, những vấn đề này chưa được cơ quan chủ trì soạn thảo giải trình, thuyết minh cụ thể tại Tờ trình Chính phủ.

Bên cạnh đó, dự thảo Luật cũng quy định việc đầu tư hiện đại hóa hoạt động thanh tra. Tại Điều 114 dự thảo Luật giao Chính phủ quy định cho các cơ quan thanh tra có trụ sở và phương tiện làm việc để thực hiện tốt chức năng, nhiệm vụ. Tuy nhiên, Điều 26 Luật Quản lý, sử dụng tài sản công năm 2017 đã có quy định về thẩm quyền ban hành tiêu chuẩn, định mức sử dụng tài sản công; phân cấp cho Chính phủ quy định tiêu chuẩn, định mức sử dụng đối với trụ sở làm việc, Thủ tướng Chính phủ quy định tiêu chuẩn, định mức sử dụng máy móc, thiết bị và các loại tài sản công được sử dụng phổ biến ở cơ quan, đơn vị (Điều 26). Do vậy, đề nghị Thanh tra Chính phủ giải trình về việc dự kiến giao Chính phủ quy định điều kiện bảo đảm hoạt động cho các cơ quan thanh tra (bao gồm trụ sở và phương tiện) có gì khác biệt với quy định của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công nhằm làm rõ các vấn đề có liên quan đến điều kiện, nguồn lực bảo đảm cho việc thi hành Luật Thanh tra (sửa đổi) sau khi được ban hành.

**6. Việc lồng ghép vấn đề bình đẳng giới trong dự án Luật**

Dự thảo Luật Thanh tra (sửa đổi) không phát sinh vấn đề bình đẳng giới.

**7. Về ngôn ngữ, kỹ thuật trình bày, trình tự, thủ tục soạn thảo**

- *Về ngôn ngữ, kỹ thuật trình bày:* Đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo rà soát tổng thể nội dung dự thảo Luật để bảo đảm tuân thủ đúng quy định của Nghị quyết số 315/2017/UBTVQH14 ngày 14/3/2017 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định thể thức và kỹ thuật trình bày văn bản quy phạm pháp luật của Quốc hội, Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Chủ tịch nước. Bên cạnh đó, đề nghị thay cụm từ *“quản lý, sử dụng tài sản Nhà nước”* bằng cụm từ *“quản lý, sử dụng tài sản công”* (điểm b khoản 3 Điều 70) để thống nhất với Luật Quản lý, sử dụng tài sản công năm 2017; thay cụm từ *“sử dụng vốn đầu tư công”* (điểm b khoản 3 Điều 70) bằng cụm từ *“sử dụng vốn đầu tư công, vốn Nhà nước ngoài đầu tư công”* vì theo khoản 4 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung Luật Xây dựng năm 2020, ngoài vốn đầu tư công có *“vốn nhà nước ngoài đầu tư công”*;bổ sung cụm từ *“tín ngưỡng”* bên cạnh cụm từ *“tôn giáo”* (điểm n khoản 3 Điều 23). Mặt khác, đề nghị chỉnh lý đối với các cụm từ*: “chức danh chuyên môn”* (khoản 1 Điều 4)*“hữu quan”* (Điều 12), *“Ủy ban nhân dân tỉnh”* (điểm đ khoản 1 Điều 16), *“xử phạt hành chính”* (khoản 2 Điều 85), *“xử lý nhẹ”* (khoản 4 Điều 103), “*thực hiện tốt”* (khoản 4 Điều 114)… để bảo đảm tính thống nhất trong dự thảo Luật, sự phù hợp với các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan và yếu tố văn phong pháp lý.

- *Về việc sửa đổi, bổ sung các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan:* Điều 130 dự thảo Luật chỉ dự kiến sửa đổi khoản 2 Điều 12 và khoản 3 Điều 13 Luật Tiếp công dân năm 2013. Tuy nhiên, nội dung dự án Luật có nhiều quy định khác với hệ thống pháp luật hiện hành: Luật Xử lý vi phạm hành chính, Luật Quản lý thuế, Luật Chứng khoán, Bộ luật Hàng hải, Luật Hàng không dân dụng… nhưng lại chưa được dự kiến sửa đổi, bổ sung một cách phù hợp. Theo quy định tại khoản 2 Điều 12 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2020) thì: *“Khi ban hành văn bản quy phạm pháp luật,* ***cơ quan ban hành văn bản phải đồng thời sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ văn bản, phần, chương, mục, tiểu mục, điều, khoản, điểm của văn bản quy phạm pháp luật do mình đã ban hành trái với quy định của văn bản mới đó****; trường hợp chưa thể sửa đổi, bổ sung ngay thì phải xác định rõ trong văn bản mới danh mục văn bản, phần, chương, mục, tiểu mục, điều, khoản, điểm của văn bản quy phạm pháp luật do mình đã ban hành trái với quy định của văn bản quy phạm pháp luật mới và có trách nhiệm sửa đổi, bổ sung trước khi văn bản quy phạm pháp luật mới có hiệu lực”.* Do đó,để đảm bảo tính đồng bộ, thống nhất của hệ thống pháp luật, đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo tuân thủ nguyên tắc về sửa đổi, bổ sung văn bản quy phạm pháp luật tại Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật: văn bản sửa đổi, bổ sung, thay thế văn bản khác phải xác định rõ tên văn bản, phần, chương, mục, tiểu mục, điều, khoản, điểm của văn bản bị sửa đổi, bổ sung, thay thế…(khoản 1 Điều 12).

- *Về hiệu lực thi hành:* Điều 131 dự thảo Luật quy định: *“****nội dung về thanh tra nhân dân quy định tại Chương IX của Luật này*** *và các văn bản hướng dẫn thi hành* ***có hiệu lực cho đến khi Luật Thanh tra nhân dân được ban hàn****h”*. Tuy nhiên, nếu nội dung về thanh tra nhân dân vẫn tiếp tục được quy định tại dự thảo Luật (Chương IX) thì nội dung này đương nhiên có hiệu lực cho đến khi có văn bản quy phạm pháp luật thay thế, bãi bỏ hoặc đình chỉ việc thi hành. Do đó, quy định như trên là không cần thiết.

*- Về văn bản quy định chi tiết:* khoản 2 Điều 11 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2020) quy định: *“Dự thảo văn bản quy định chi tiết phải được chuẩn bị và trình đồng thời với dự án luật, pháp lệnh”*. Dự thảo Luật có nhiều nội dung dự kiến giao Chính phủ quy định chi tiết; trong đó, có nhiều vấn đề mới liên quan đến tổ chức, hoạt động thanh tra, ví dụ: vị trí, chức năng của Thanh tra Sở (khoản 5 Điều 31), Thanh tra viên (khoản 6 Điều 43), phong tỏa tài khoản của đối tượng thanh tra (khoản 6 Điều 84), Trách nhiệm của người ký kết luận thanh tra (khoản 3 Điều 104), Xử lý vi phạm trong thực hiện Kết luận thanh tra (khoản 3 Điều 147), Đầu tư hiện đại hóa hoạt động thanh tra (khoản 1 Điều 114), Thanh tra đơn vị sự nghiệp công lập (khoản 2 Điều 129). Bộ Tư pháp cho rằng, để cơ quan thẩm quyền có đầy đủ thông tin và cơ sở xem xét, quyết định về những nội dung của dự án Luật thì việc chuẩn bị dự thảo văn bản quy định chi tiết là rất cần thiết và quan trọng. Do đó, đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo nghiên cứu, bổ sung.

**8. Về một số nội dung cụ thể**

**8.1.** **Về phạm vi điều chỉnh (Điều 1)**

Điều 1 dự thảo Luật quy định: *“Luật này quy định về tổ chức, hoạt động thanh tra trong cơ quan hành chính nhà nước và các cơ quan khác của nhà nước”*. Bộ Tư pháp nhận thấy, phạm vi điều chỉnh của dự thảo Luật chưa được xác định một cách chính xác, rõ ràng. Cụ thể như sau:

*a) Quy định về hoạt động kiểm tra*

Điều 3 và Điều 4 dự thảo Luật quy định về phân định hoạt động thanh tra và hoạt động kiểm tra; trách nhiệm tổ chức và thực hiện hoạt động thanh tra. khoản 3 Điều 4 dự thảo Luật giao Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ: *“trong trường hợp cần thiết quy định trình tự, thủ tục kiểm tra thuộc phạm vi trách nhiệm quản lý của bộ, ngành mình”*. Nội dung này dẫn đến cách hiểu, Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ căn cứ vào quy định được giao tại Luật Thanh tra để ban hành các quy định về kiểm tra trong phạm vi chức năng quản lý nhà nước của bộ, ngành. Do đó, ***dù nội dung “kiểm tra” không được quy định tại Điều 1 về phạm vi điều chỉnh nhưng những quy định này đã mở rộng phạm vi điều chỉnh của Luật Thanh tra***.

Bên cạnh đó, khoản 1 Điều 4 dự thảo Luật quy định*: “Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Chủ tịch ủy ban nhân dân các cấp, Thủ trưởng cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân các cấp giao nhiệm vụ cho cơ quan, tổ chức, đơn vị, công chức hoặc chức danh chuyên môn thuộc quyền tiến hành hoạt động kiểm tra, xem xét kết quả kiểm tra và quyết định xử lý* ***theo quy định của pháp luật chuyên ngành****”.* Tuy nhiên, trong hệ thống pháp luật Việt Nam, các quy định về kiểm tra được quy định khác nhau về trình tự, thủ tục, thẩm quyền và không đầy đủ trong tất cả các văn bản pháp luật chuyên ngành. Do đó, trường hợp Luật chuyên ngành không quy định hoặc quy định không đầy đủ về hoạt động kiểm tra thì cần xác định Luật này có quy định các nguyên tắc chung để tiến hành hoạt động kiểm tra trên thực tế hay không?

Bộ Tư pháp cho rằng, Nghị quyết số 48-NQ/TW ngày 24/5/2005 của Bộ Chính trị về Chiến lược xây dựng và hoàn thiện hệ thống pháp luật Việt Nam đến năm 2010, định hướng đến năm 2020 đã đề ra chiến lược: *“Hoàn thiện hệ thống pháp luật về tổ chức và hoạt động thanh tra, kiểm tra, bảo đảm mọi hoạt động quản lý nhà nước đều chịu sự thanh tra, kiểm tra của Chính phủ”.* Do đó, để khắc phục bất cập của việc chưa phân định một cách rõ ràng sự giao thoa, trùng lắp giữa hoạt động thanh tra và kiểm tra thường xuyên của các cơ quan nhà nước trong thực tiễn, trường hợp xác định cần thiết phải điều chỉnh về tổ chức và hoạt động kiểm tra tại dự thảo Luật để bảo đảm các mục tiêu đặt ra thì phải có sự điều chỉnh tổng thể tại dự thảo Luật theo hướng: bổ sung vào phạm vi điều chỉnh hoạt động kiểm tra, quy định những vấn đề cơ bản có tính nguyên tắc về xác định thẩm quyền, nội dung, trình tự, thủ tục, kết quả kiểm tra, mối quan hệ giữa hoạt động kiểm tra với các hoạt động khác và các vấn đề có liên quan tới hoạt động kiểm tra để bảo đảm tính thống nhất, đồng bộ *(đề nghị xem thêm mục 8.2)*.

*b) Về Thanh tra nhân dân*

Dự thảo Luật kế thừa quy định của Luật Thanh tra năm 2010 hiện hành tiếp tục quy định về Thanh tra nhân dân (Chương IX). Tuy nhiên, tại Điều 1 dự thảo Luật không quy định Thanh tra nhân dân thuộc phạm vi điều chỉnh của Luật này. Để bảo đảm bao quát đầy đủ nội dung điều chỉnh và tính thống nhất trong nội tại, đề nghị cân nhắc, bổ sung vấn đề này vào phạm vi điều chỉnh của dự thảo Luật.

*c) Quy định về tổ chức, hoạt động thanh tra của các cơ quan khác*

Phạm vi điều chỉnh của dự thảo Luật chỉ quy định tổ chức và hoạt động thanh tra *“của các cơ quan khác của nhà nước”*. Tuy nhiên, tại dự thảo Luật điều chỉnh tới hoạt động thanh tra của các đơn vị sự nghiệp công lập, các cơ sở giáo dục đại học công lập (Đại học quốc gia Hà Nội, Đại học quốc gia thành phố Hồ Chí Minh), doanh nghiệp nhà nước là chưa bảo đảm bao quát hết các chủ thể được điều chỉnh trong dự thảo Luật. Bên cạnh đó, đề nghị không quy định các vấn đề không thuộc nội dung về tổ chức và hoạt động thanh tra, như trách nhiệm của doanh nghiệp nhà nước trong việc hướng dẫn các doanh nghiệp thành viên, hội viên về kiểm soát nội bộ doanh nghiệp của Hiệp hội doanh nghiệp, Hiệp hội ngành nghề (khoản 3 Điều 129).

**8.2. Về các khái niệm “thanh tra”, “kiểm tra” (Điều 3)**

Khoản 1 và khoản 2 Điều 3 dự thảo Luật đưa ra các khái niệm: “thanh tra”, “thanh tra hành chính”, “thanh tra chuyên ngành” và “kiểm tra”. Tuy nhiên, Bộ Tư pháp cho rằng, khái niệm về “thanh tra”, “kiểm tra” chưa được minh định một cách rõ ràng để có thể phân biệt rành mạch những vấn đề liên quan đến “thanh tra” và “kiểm tra”, ví dụ: định nghĩa, phạm vi, mục đích, thẩm quyền, trình tự, thủ tục, mối quan hệ giữa “thanh tra” và “kiểm tra”... Theo đó, hoạt động kiểm tra cũng giao thoa, trùng lặp với hoạt động thanh tra vì cùng hướng đến những mục đích có tính chất tương tự nhau, chỉ khác về cách thức diễn đạt: *“xem xét, đánh giá, xử lý việc thực hiện trách nhiệm quản lý nhà nước và kết quả thực hiện chính sách, pháp luật”*(khoản 1) và *“phát hiện ngăn chặn và xử lý kịp thời các hành vi vi phạm trật tự quản lý góp phần nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước”* (khoản 2).

Ngoài ra, trình tự, thủ tục tiến hành thanh tra theo Luật này (đặc biệt là thanh tra chuyên ngành) trong thực tế không có sự khác biệt quá lớn với trình tự, thủ tục kiểm tra theo quy định của pháp luật chuyên ngành, ví dụ: Luật An toàn thực phẩm năm 2010 quy định về hoạt động kiểm tra an toàn thực phẩm quy định quyền hạn, nhiệm vụ của cơ quan quản lý an toàn thực phẩm trong kiểm tra an toàn thực phẩm “gần như” tương tự thẩm quyền của các cơ quan thanh tra: (1) quyết định thành lập đoàn kiểm tra theo kế hoạch hoặc đột xuất; (2) xử lý vi phạm trong quá trình kiểm tra ; (3) giải quyết khiếu nại, tố cáo về quyết định của đoàn kiểm tra, hành vi của thành viên đoàn kiểm tra; (4) xây dựng kế hoạch kiểm tra hằng năm… quy định quyền hạn, nhiệm vụ của đoàn kiểm tra: yêu cầu tổ chức, cá nhân sản xuất kinh doanh thực phẩm xuất trình tài liệu...; kiến nghị xử lý theo thẩm quyền; bảo đảm nguyên tắc kiểm tra; chịu trách nhiệm về kết quả, kết luận có liên quan[[4]](#footnote-4)…

Bộ Tư pháp cho rằng, sự chồng lấn giữa hoạt động “kiểm tra” với hoạt động “thanh tra” hiện nay là một vấn đề gây phiền hà, bức xúc trong dư luận mà nguyên nhân chính là do chưa có sự phân biệt rành mạch giữa 2 hoạt động. Do đó, đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo bổ sung thêm cơ sở lý luận khoa học, quan điểm, học thuyết về “thanh tra”, “kiểm tra”, tham khảo kinh nghiệm quốc tế (nếu có); thuyết minh làm rõ tại Tờ trình sự khác biệt giữa “thanh tra” và “kiểm tra” trên các phương diện cụ thể để có cơ sở phân biệt các hoạt động này trong thực tế áp dụng pháp luật, đồng thời, làm cơ sở để xem xét việc quy định những vấn đề có tính nguyên tắc về hoạt động “kiểm tra” tại Luật này.

**8.3. Về thanh tra chuyên ngành**

Tại Tờ trình, cơ quan chủ trì soạn thảo nêu những bất cập, hạn chế của Luật Thanh tra hiện hành có liên quan đến thanh tra chuyên ngành như: *“chưa phân biệt rõ giữa thanh tra theo lĩnh vực quản lý (thanh tra chuyên ngành) với việc thanh tra thực hiện nhiệm vụ, công vụ (thanh tra hành chính)”*; *“Luật Thanh tra hiện xác định mục đích, nguyên tắc chung cho cả hai loại hình thanh tra hành chính và thanh tra chuyên ngành, dẫn đến Luật Thanh tra và các văn bản hướng dẫn thi hành đã quy định về trình tự, thủ tục chung cho thanh tra hành chính và thanh tra chuyên ngành…”.* So với Luật Thanh tra 2010 thì dự thảo Luật đã bỏ quy định về cơ quan được giao chức năng thanh tra chuyên ngành, người được giao thực hiện chức năng thanh tra chuyên ngành; đồng thời giao cho Chính phủ quy định về trình tự, thủ tục thanh tra chuyên ngành của các bộ, ngành (Điều 128). Qua rà soát dự thảo Luật, Bộ Tư pháp nhận thấy, các nội dung cơ bản của hoạt động thanh tra chuyên ngành (thẩm quyền, trình tự, thủ tục…) không được quy định cụ thể, chi tiết như Luật Thanh tra năm 2010 là chưa thể hiện rõ định hướng đổi mới, cải cách đối với thanh tra chuyên ngành và cũng chưa thể hiện rõ sự phân biệt giữa hoạt động thanh tra hành chính với thanh tra chuyên ngành; giữa thanh tra chuyên ngành với hoạt động kiểm tra. Việc xác định các nguyên tắc của hoạt động thanh tra chuyên ngành có ý nghĩa rất quan trọng, tạo cơ sở cho các bộ, ngành đề xuất Chính phủ ban hành nghị định điều chỉnh những nội dung cụ thể về thanh tra chuyên ngành để bảo đảm phù hợp với đặc thù của từng ngành, lĩnh vực.

Bên cạnh đó, quy định về việc hướng dẫn hoạt động thanh tra chuyên ngành chưa rõ ràng. Theo quy định tại Điều 128 dự thảo Luật thì: *“căn cứ vào quy định của Luật này và các quy định khác của pháp luật có liên quan, trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình,* ***Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ thống nhất với Tổng Thanh tra Chính phủ trình Chính phủ*** *quy định về trình tự, thủ tục thanh tra chuyên ngành của bộ, ngành mình”*. Tuy nhiên, việc ban hành các nghị định của Chính phủ quy định về trình tự, thủ tục thanh tra chuyên ngành của các ngành, lĩnh vực phải được thực hiện theo quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật. Do đó, việc thống nhất giữa Tổng Thanh tra Chính phủ và Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ trong vấn đề này được thực hiện như thế nào cần phải được quy định cụ thể.

**8.4. Về Thanh tra Chính phủ, Tổng Thanh tra Chính phủ (Điều 16, 17, 18 dự thảo)**

- *Về nhiệm vụ, quyền hạn của Thanh tra Chính phủ:* Đề nghị cân nhắc việc bổ sung các quy định cụ thể về nhiệm vụ, quyền hạn của Thanh tra Chính phủ trong các lĩnh vực tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo, phòng, chống tham nhũng tại khoản 2, khoản 3 Điều 16 dự thảo Luật. Bộ Tư pháp nhận thấy, phạm vi điều chỉnh của Luật này là về hoạt động thanh tra, hơn nữa các quy định cụ thể về nhiệm vụ, quyền hạn của Thanh tra Chính phủ trong các lĩnh vực tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo, phòng, chống tham nhũng đã được điều chỉnh tại Luật Tiếp công dân, Luật Khiếu nại, Luật Tố cáo và Luật Phòng, chống tham nhũng. Do đó, để bảo đảm phù hợp với phạm vi điều chỉnh của dự thảo Luật, bảo đảm phân định rõ chức năng thanh tra, nhiệm vụ thanh tra, không đồng nhất hoạt động thanh tra với nhiệm vụ chung của Thanh tra Chính phủ và hệ thống các cơ quan thanh tra theo quy định của pháp luật, đề nghị lược bỏ các nhiệm vụ không thuộc nội hàm “thanh tra” để tránh lẫn lộn trong hoạt động thanh tra với các hoạt động được điều chỉnh bởi các luật chuyên ngành khác.

- *Về tổ chức của Thanh tra Chính phủ:* Bộ Tư pháp nhận thấy, việc phân chia tổ chức của Thanh tra Chính phủ theo tính chất và chức năng của các đơn vị trực thuộc tại khoản 2 Điều 17 dự thảo là chưa bảo đảm thống nhất với quy định về cơ cấu tổ chức của cơ quan ngang Bộ cũng như thẩm quyền quy định về tổ chức của cơ quan ngang Bộ tại Điều 40 Luật Tổ chức Chính phủ: “*cơ cấu tổ chức của bộ, cơ quan ngang bộ gồm vụ, văn phòng, thanh tra, cục, tổng cục, đơn vị sự nghiệp công lập và việc thành lập các đơn vị quy định tại khoản 1 Điều này do Chính phủ quyết định căn cứ vào tính chất, phạm vi quản lý, chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn của từng bộ, cơ quan ngang bộ”*. Do đó, đề nghị cân nhắc việc quy định về nội dung này.

*- Về Tổng Thanh tra Chính phủ:* Đề nghị cân nhắc quy định Tổng Thanh tra Chính phủ là người “đứng đầu ngành thanh tra”, vì theo quy định tại Điều 32 Luật Tổ chức Chính phủ thì *Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ là thành viên Chính phủ và là người đứng đầu bộ, cơ quan ngang bộ, lãnh đạo công tác của bộ, cơ quan ngang bộ; chịu trách nhiệm quản lý nhà nước về ngành, lĩnh vực được phân công*, không có quy định về người đứng đầu ngành, lĩnh vực. Hơn nữa, thanh tra là lĩnh vực có phân cấp cho địa phương và việc tổ chức thực hiện hoạt động thanh tra do Ủy ban nhân dân, Chủ tịch Ủy ban nhân dân thực hiện theo quy định tại dự thảo Luật. Do đó, việc xác định Tổng Thanh tra Chính phủ là người “đứng đầu ngành thanh tra” cần được cân nhắc để bảo đảm phù hợp tổ chức và hoạt động của thanh tra ở Trung ương và địa phương.

Ngoài ra, đề nghị cân nhắc quy định tại điểm e và g khoản 3 Điều 18 dự thảo Luật về thẩm quyền của Tổng Thanh tra Chính phủ *yêu cầu Bộ trưởng hủy bỏ quy định do Bộ ban hành trái pháp luật được phát hiện qua công tác thanh tra; trường hợp Bộ trưởng không hủy bỏ thì trình Thủ tướng Chính phủ quyết định;* *yêu cầu Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh hủy bỏ quy định do Chủ tịch UBND tỉnh ban hành trái pháp luật phát hiện qua công tác thanh tra; trường hợp Chủ tịch UBND tỉnh không hủy bỏ thì trình Thủ tướng Chính phủ quyết định,* vìtại khoản 2 Điều 35, khoản 2 Điều 36 Luật Tổ chức Chính phủ chỉ quy định Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ có quyền kiến nghị với Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ khác, đề nghị Ủy ban nhân dân, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh *đình chỉ việc thi hành hoặc bãi bỏ những quy định* do các cơ quan đó ban hành trái với Hiến pháp, luật và văn bản của cơ quan nhà nước cấp trên hoặc của bộ, cơ quan ngang bộ về ngành, lĩnh vực do bộ, cơ quan ngang bộ chịu trách nhiệm quản lý; trong trường hợp kiến nghị không được chấp thuận thì trình Thủ tướng Chính phủ quyết định.

**8.5. Về Thanh tra Bộ (Điều 19, 20)**

Điều 19 và điểm d khoản 1 Điều 20 dự thảo Luật quy định nhiệm vụ, quyền hạn của Thanh tra Bộ như sau: *“…tiến hành thanh tra chuyên ngành trong các lĩnh vực không tổ chức thanh tra chuyên ngành thuộc thẩm quyền quản lý nhà nước của bộ”.* Tuy nhiên, cách diễn đạt này dễ dẫn đến cách hiểu Thanh tra Bộ chỉ được thanh tra chuyên ngành khi Bộ không có tổ chức thanh tra chuyên ngành tại các Cục và Tổng cục. Thanh tra chuyên ngành là thẩm quyền đương nhiên của Thanh tra Bộ trong phạm vi quản lý của ngành, lĩnh vực. Do đó, đề nghị chỉnh lý quy định tại Điều 19 và điểm d khoản 1 Điều 20.

**8.6. Về việc thành lập Thanh tra Tổng cục, Thanh tra Cục**

*a) Về sự cần thiết thành lập và tiêu chí thành lập Thanh tra Tổng cục, Thanh tra Cục*

Dự thảo Luật dự kiến thành lập cơ quan thanh tra ở một số Tổng cục, Cục thuộc Bộ để thực hiện thanh tra chuyên ngành trong phạm vi quản lý của Tổng cục trưởng, Cục trưởng. Tuy nhiên, khoản 1 Điều 23 dự thảo Luật chỉ quy định: *“Cơ quan thanh tra được thành lập tại một số Tổng cục, Cục để thực hiện thanh tra chuyên ngành, tiếp công dân…”* và liệt kê chi tiết các lĩnh vực được thành lập Thanh tra Tổng cục, Cục trong dự thảo Luật. Bộ Tư pháp cho rằng, quy định theo hướng liệt kê các lĩnh vực được thành lập thanh tra trong Tổng cục, Cục nhưng không có giải trình về cơ sở để xác định những lĩnh vực quản lý được và không được thành lập tổ chức thanh tra là chưa rõ ràng. Dưới góc độ là cơ quan chuyên môn thì việc thực hiện công tác thanh tra chuyên ngành sẽ gắn sát với các quy định của pháp luật chuyên ngành hơn; đồng thời, kịp thời phát hiện và kiến nghị cơ quan có thẩm quyền khắc phục những thiết sót, tồn tại của thể chế. Nếu bỏ chức năng thanh tra chuyên ngành của các Tổng cục, Cục (tại những Tổng cục, Cục không được thành lập cơ quan thanh tra chuyên ngành) và dồn hết công việc cho Thanh tra Bộ sẽ tạo ra gánh nặng cho cơ quan này do Thanh tra Bộ một mặt không có chuyên môn sâu về lĩnh vực quản lý chuyên ngành, mặt khác công việc của Thanh tra Bộ sẽ bị quá tải.

Bên cạnh đó, tại khoản 3 Điều 23 dự thảo Luật liệt kê 13 lĩnh vực dự kiến thành lập Thanh tra Tổng cục, Cục (Tài nguyên và môi trường, Tài chính, Giao thông vận tải, Y tế, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn…) nhưng không có lĩnh vực Tư pháp. Hiện nay, thực hiện quy định tại Nghị định số 54/2012/NĐ-CP ngày 29/5/2014 của Chính phủ về tổ chức và hoạt động của Thanh tra ngành Tư pháp, Cục Bổ trợ tư pháp và Cục Hộ tịch, quốc tịch, chứng thực thuộc Bộ Tư pháp là các cơ quan được giao thực hiện chức năng thanh tra chuyên ngành. Đây là các lĩnh vực phức tạp, nhạy cảm, có ảnh hưởng trực tiếp đến quyền và lợi ích của cá nhân, cơ quan, tổ chức, nhất là lĩnh vực bổ trợ tư pháp khi chủ trương xã hội hóa được tích cực triển khai, có bước phát triển nhanh, mạnh nhưng cũng tiềm ẩn các nguy cơ gây bất ổn xã hội nếu không được quản lý một cách chặt chẽ. Trong những năm qua, công tác thanh tra chuyên ngành lĩnh vực Tư pháp đã được Bộ Tư pháp triển khai bài bản, có hiệu quả, đúng trọng tâm, trọng điểm, đáp ứng được yêu cầu của công tác quản lý nhà nước và mang lại nhiều kết quả tích cực; kịp thời phát hiện, chấn chỉnh, xử lý nhiều sai phạm trong công tác hộ tịch, quốc tịch, chứng thực, bổ trợ tư pháp. Do đó, đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo bổ sung lĩnh vực Tư pháp, bao gồm 02 lĩnh vực Bổ trợ tư pháp và Hộ tịch, quốc tịch, chứng thực được thành lập cơ quan thanh tra.

 *b) Thẩm quyền thành lập Thanh tra tổng cục, Thanh tra cục khác (Điều 23 dự thảo Luật)*

Khoản 3 Điều 23 dự thảo Luật quy định: *“Việc thành lập cơ quan thanh tra tổng cục, cục khác do Thủ tướng Chính phủ quyết định theo đề nghị của Bộ trưởng sau khi thống nhất với Tổng Thanh tra Chính phủ”*. Quy định này cho phép thành lập thanh tra ở các Tổng cục, Cục khác ngoài các lĩnh vực quy định tại Luật nhưng không có quy định về tiêu chí, căn cứ để các Bộ đề xuất, Thanh tra Chính phủ thống nhất và Thủ tướng Chính phủ thành lập, dẫn tới sự tùy nghi trong thực hiện. Bên cạnh đó, tại khoản 3 Điều 23 quy định: “*Thanh tra tổng cục, cục được thành lập trong những lĩnh vực sau đây:…”*, như vậy, việc thành lập Thanh tra Tổng cục và Thanh tra Cục theo quy định của Luật này là thuộc thẩm quyền của Quốc hội, trong khi đó việc dự kiến giao Thủ tướng Chính phủ quyết định theo đề nghị của Bộ trưởng sau khi thống nhất với Tổng Thanh tra Chính phủ đối với vấn đề thành lập cơ quan Thanh tra Tổng cục, Cục khác sẽ dẫn tới sự chưa phù hợp và thống nhất trong các quy định về thẩm quyền thành lập tại dự thảo Luật.

Bộ Tư pháp cho rằng, cơ quan chủ trì soạn thảo có thể cân nhắc quy định về các tiêu chí thành lập thanh tra tại Tổng cục, Cục theo hướng: *(1) quy mô của Tổng cục, Cục; (2) Trong lĩnh vực mà pháp luật chuyên ngành quy định có cơ quan thanh tra; (3) Theo quy định của Điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên..*. Đồng thời, giao Chính phủ quy định cụ thể về các Tổng cục, Cục được thành lập đơn vị thanh tra gắn với trình tự, thủ tục thanh tra chuyên ngành trong các lĩnh vực cụ thể của từng Bộ, ngành tại Điều 128 dự thảo Luật.

*c) Về thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính của Tổng cục trưởng, Cục trưởng, Thanh tra tổng cục, Thanh tra cục*

Điểm b khoản 2 Điều 25 dự thảo Luật quy định: *“Chánh Thanh tra tổng cục, cục có thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính;* ***kiến nghị Tổng cục trưởng, Cục trưởng xử phạt vi phạm hành chính theo quy định của pháp luật****”*. Bộ Tư pháp cho rằng, trong trường hợp thành lập tổ chức thanh tra trong Tổng cục, Cục, thì quy định này cần được cơ quan chủ trì soạn thảo cân nhắc theo hướng không quy định tại dự thảo Luật vì các lý do sau:

*-* Tại khoản 1 Điều 30 Luật Thanh tra 2010 quy định thẩm quyền xử phạt của Tổng Cục trưởng, Cục trưởng là xuất phát từ việc giao chức năng thanh tra chuyên ngành cho các Tổng cục, Cục. Dự thảo Luật hiện nay không còn quy định về cơ quan được giao thực hiện chức năng thanh tra chuyên ngành (các Tổng cục, Cục). Do vậy, việc quy định thẩm quyền xử phạt cho các chức danh Tổng cục trưởng, Cục trưởng cũng không còn phù hợp.

*-* Việc quy định thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính của một chức danh không thuộc phạm vi điều chỉnh của Luật Thanh tra mà thuộc phạm vi điều chỉnh của Luật Xử lý vi phạm hành chính. Theo quy định của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xử lý vi phạm hành chính[[5]](#footnote-5) (Điều 46 đã được sửa đổi, bổ sung) thì thẩm quyền xử phạt của các chức danh thuộc cơ quan được giao thực hiện chức năng thanh tra chuyên ngành đã được Quốc hội giao Chính phủ quy định. Do vậy, việc dự thảo Luật quy định thẩm quyền xử phạt của Tổng cục trưởng, Cục trưởng, Chánh Thanh tra Tổng cục, Chánh Thanh tra Cục là chưa bảo đảm sự thống nhất, đồng bộ với quy định của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xử lý vi phạm hành chính.

**8.7. Về Thanh tra Sở (Điều 31)**

Dự thảo Luật quy định chỉ thành lập Thanh tra sở để thực hiện thanh tra chuyên ngành ở một số lĩnh vực có nhu cầu thanh tra cao và ảnh hưởng nhiều đến cuộc sống của người dân, doanh nghiệp (Tài nguyên và môi trường, Tài chính, Xây dựng,…). Theo đó, tại khoản 3 và khoản 4 Điều 31 dự thảo Luật quy định 07 lĩnh vực thành lập Thanh tra sở; trong những lĩnh vực quản lý nhà nước không thành lập Thanh tra sở (như lĩnh vực Tư pháp của Sở Tư pháp) ***thì chức năng thanh tra do Thanh tra tỉnh đảm nhận***; nhiệm vụ tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo, phòng, chống tham nhũng được giao cho đơn vị khác thuộc sở thực hiện. Về vấn đề này, Bộ Tư pháp nhận thấy:

*Thứ nhất,* các lĩnh vực quản lý nhà nước khác nhau sẽ có những đặc thù, yêu cầu khác nhau theo đặc trưng của từng ngành, lĩnh vực. Do đó, khó có cơ sở để khẳng định lĩnh vực nào sẽ có *“nhu cầu thanh tra cao, ảnh hưởng đến người dân, doanh nghiệp”* hơn lĩnh vực nào. Trong lĩnh vực tư pháp, Sở Tư pháp là cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, có chức năng tham mưu Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quản lý nhà nước về: công tác xây dựng và thi hành pháp luật; theo dõi tình hình thi hành pháp luật; chứng thực, nuôi con nuôi; hộ tịch; quốc tịch; lý lịch tư pháp; trợ giúp pháp lý; luật sư; công chứng; giám định tư pháp; đấu giá tài sản; trọng tài thương mại; hòa giải thương mại; thừa phát lại; quản tài viên; đăng ký biện pháp bảo đảm;… Có thể thấy, các lĩnh vực quản lý nhà nước của Sở Tư pháp là rất rộng, mang tính đặc thù, nhạy cảm, nhiều lĩnh vực liên quan trực tiếp đến người dân, doanh nghiệp, như: hộ tịch, quốc tịch, luật sư, công chứng, đấu giá tài sản, thừa phát lại, quản lý, thanh lý tài sản…; công tác quản lý nhà nước của Sở Tư pháp đối với lĩnh vực này cần phải thường xuyên, sâu sát, kịp thời để nắm bắt, theo dõi, phát hiện, xử lý các hành vi vi phạm, chỉnh đốn hoạt động của các cá nhân, tổ chức đang hoạt động trong lĩnh vực này. Nghị quyết số 49-NQ/TW ngày 02/06/2005 của Bộ Chính trị khóa IX về Chiến lược cải cách tư pháp đến năm 2020 và Kết luận số 84-KL/TW ngày 29/7/2020 của Bộ Chính trị về Tổng kết 15 năm thực hiện Nghị quyết số 49-NQ/TW đã xác định xã hội hóa công tác bổ trợ tư pháp, trong đó xã hội hóa hoạt động công chứng và giám định tư pháp là một trong những nội dung quan trọng của cải cách tư pháp. Công tác xã hội hóa này dẫn đến sự phát triển nhanh chóng về số lượng các tổ chức hoạt động trong lĩnh vực bổ trợ tư pháp và tiềm ẩn nảy sinh những vấn đề phức tạp như việc cạnh tranh không lành mạnh, vi phạm các quy định pháp luật chuyên ngành nhằm mục đích doanh thu, lợi nhuận của các tổ chức hành nghề công chứng, đấu giá tài sản…

Ngoài ra, một số hoạt động bổ trợ mà chủ thể có tính chất đặc thù, nhạy cảm như hoạt động luật sư, hay một số lĩnh vực quản lý nhà nước trên phạm vi rộng, đến từng xã, phường trong toàn quốc như hộ tịch, quốc tịch, chứng thực đòi hỏi việc quản lý nhà nước phải chặt chẽ, linh hoạt. Đây cũng là những lĩnh vực có nhu cầu thanh tra cao và ảnh hưởng nhiều đến cuộc sống, quyền và lợi ích hợp pháp của người dân, doanh nghiệp. Công tác thanh tra các lĩnh vực tư pháp, đặc biệt là bổ trợ tư pháp đòi hỏi người tiến hành thanh tra phải có kiến thức chuyên môn và hiểu biết sâu về các lĩnh vực đó. Chức năng thanh tra các lĩnh vực này đều được quy định tại các luật chuyên ngành và được các Sở Tư pháp thực hiện tốt trong thời gian qua[[6]](#footnote-6).

*Thứ hai,* hoạt động thanh tra chuyên ngành hướng tới thanh tra việc chấp hành pháp luật chuyên ngành, các quy định về chuyên môn - kỹ thuật, quy tắc quản lý nhà nước đặc thù…và gắn với thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính. Pháp luật chuyên ngành hiện hành quy định các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh thực hiện chức năng thanh tra trong các lĩnh vực được phân công quản lý. Vì vậy, việc dự thảo Luật giao Thanh tra tỉnh thực hiện thanh tra đối với các lĩnh vực quản lý của các cơ quan chuyên môn không được thành lập tổ chức thanh tra là chưa thống nhất, đồng bộ với quy định của hệ thống pháp luật chuyên ngành. Đồng thời, Thanh tra tỉnh vừa thực hiện thanh tra hành chính và thanh tra chuyên ngành cũng đặt ra vấn đề về bảo đảm tính khả thi và nguồn lực thực hiện như đã nêu trên.

*Thứ ba,* điểm đ khoản 1 Điều 29 dự thảo Luật quy định*: “Chánh Thanh tra tỉnh có thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính theo quy định của pháp luật”*. Tuy nhiên, theo quy định tại khoản 2 Điều 46 Luật Xử lý vi phạm hành chính năm 2012 (và điểm c khoản 21 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung năm 2020) thì chỉ có Chánh thanh tra Sở có thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính mà không có quy định về thẩm quyền xử phạt của Chánh thanh tra tỉnh. Do đó, việc quy định thêm chức danh có thẩm quyền xử phạt sẽ dẫn tới việc sửa đổi, bổ sung Luật Xử lý vi phạm hành chính và hệ thống các văn bản quy phạm pháp luật về xử phạt vi phạm hành chính trong các ngành lĩnh vực, phát sinh chi phí sửa đổi, bổ sung các văn bản quy phạm pháp luật trong hệ thống pháp luật nhưng vấn đề này chưa được cơ quan chủ trì soạn thảo phân tích, đánh giá tại Tờ trình. Bộ Tư pháp cho rằng, trường hợp cơ quan chủ trì soạn thảo bảo lưu quan điểm về việc bổ sung thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính cho Chánh Thanh tra tỉnh thì đề nghị sửa đổi, bổ sung Luật Xử lý vi phạm hành chính tại điều khoản chuyển tiếp dự thảo Luật.

*Thứ tư,* tại các Luật Khiếu nại, Luật Tố cáo, Luật Tiếp công dân, Luật Phòng, chống tham nhũng… đều quy định về nhiệm vụ của Thanh tra Sở trong việc giúp thủ trưởng cơ quan quản lý nhà nước cùng cấp quản lý các mặt công tác này. Bộ Tư pháp nhận thấy, việc giao nhiệm vụ tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo, phòng, chống tham nhũng ở các Sở không thành lập thanh tra thì được giao cho đơn vị khác thuộc sở thực hiện là cần được cân nhắc để bảo đảm tính thống nhất, đồng bộ và khả thi với các quy định tại các Luật nêu trên.

**8.8. Về Thanh tra huyện (Điều 35)**

Khoản 1 Điều 35 đưa ra các tiêu chí thành lập thanh tra huyện khi đáp ứng một trong các điều kiện sau đây: *(1) Đơn vị hành chính cấp huyện loại I; (2) huyện miền núi, biên giới, hải đảo mà trung tâm hành chính huyện cách trung tâm hành chính tỉnh từ 100 km trở lên và điều kiện đi lại khó khăn.* Bộ Tư pháp cho rằng, nếu chỉ cần đáp ứng 01 trong 02 điều kiện được đưa ra là chưa thực sự phù hợp vì chưa xuất phát từ chính yêu cầu thực tiễn của hoạt động thanh tra. Do đó, đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo thuyết minh, giải trình kỹ lưỡng về cơ sở để đề xuất thành lập Thanh tra huyện nhằm bảo đảm sự phù hợp, thống nhất trong quá trình tổ chức thực hiện. Ngoài ra, cần giải trình rõ việc quy định này đã bảo đảm tính thống nhất đối với giải pháp được lựa chọn để thực hiện Chính sách số 1 tại giai đoạn đề nghị xây dựng Luật hay chưa?

**8.9. Về tổ chức, hoạt động thanh tra trong các cơ quan khác của nhà nước (Điều 40, 41, 42)**

Điều 76 Luật Thanh tra năm 2010 quy định: *“Căn cứ vào quy định của Luật này và các quy định khác của pháp luật có liên quan, trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình, Tòa án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Kiểm toán nhà nước, các cơ quan khác của Nhà nước tổ chức và chỉ đạo hoạt động thanh tra trong ngành, cơ quan mình”.* Trong thời gian qua, các cơ quan Tòa án, Viện Kiểm sát và một số cơ quan thuộc Chính phủ được giao chức năng thanh tra theo quy định của pháp luật chuyên ngành. Dự thảo Luật đã căn cứ thực tiễn, ghi nhận tổ chức và hoạt động thanh tra của các cơ quan này và bổ sung thêm một số cơ quan, đơn vị khác. Bộ Tư pháp nhận thấy:

**-** *Về hoạt động thanh tra của Toà án Nhân dân tối cao, Viện Kiểm sát Nhân dân tối cao, Kiểm toán Nhà nước:* khoản 1 Điều 40 dự thảo Luật quy định: *“Tòa án Nhân dân tối cao, Viện Kiểm sát Nhân dân tối cao, Kiểm toán nhà nước thành lập cơ quan thanh tra giúp…* ***thực hiện nhiệm vụ thanh tra, tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo và phòng, chống tham nhũng****…”*. Để bảo đảm việc tổ chức và hoạt động của các cơ quan Tòa án Nhân dân tối cao, Viện Kiểm sát Nhân dân tối cao phù hợp với chức năng, nhiệm vụ cụ thể của từng cơ quan và tránh việc liệt kê dễ dẫn đến thiết sót[[7]](#footnote-7); đề nghị không quy định những hoạt động cụ thể như *“tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo…”*; đề nghị cân nhắc giữ nguyên quy định tại Điều 76 Luật Thanh tra năm 2010.

- *Về tổ chức và hoạt động của thanh tra của Bảo hiểm xã hội Việt Nam:* khoản 1 Điều 41 dự thảo Luật quy định: *“Bảo hiểm xã hội Việt Nam thành lập cơ quan thanh tra để thực hiện chức năng* ***thanh tra chuyên ngành về đóng bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp và bảo hiểm y tế theo quy định của pháp luậ****t”.* Theo quy định tại Điều 13 Luật Bảo hiểm xã hội năm 2014 thì *“Cơ quan bảo hiểm xã hội thực hiện chức năng* ***thanh tra chuyên ngành về đóng bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp và bảo hiểm y tế****”*. Như vậy, nội dung quy định tại khoản 1 Điều 41 dự thảo Luật thống nhất với quy định của Luật Bảo hiểm xã hội năm 2014. Tuy nhiên, hiện nay, Bộ Lao động, Thương binh và Xã hội đang tiến hành lấy ý kiến đối với dự thảo Luật Bảo hiểm xã hội (sửa đổi). Tài liệu lấy ý kiến Luật này ghi nhận ý kiến của Bảo hiểm xã hội Việt Nam kiến nghị: ***“bổ sung thêm chức năng thanh tra chuyên ngành về hoạt động chi trả*** *để phát huy tối ưu vai trò và nguồn lực hiện có của hệ thống Bảo hiểm xã hội các cấp…”[[8]](#footnote-8)* . Do đây là vấn đề còn nhiều ý kiến khác nhau liên quan đến phạm vi thanh tra của Bảo hiểm xã hội Việt Nam, Bộ Tư pháp cho rằng, dự thảo Luật này chỉ nên ghi nhận thẩm quyền thanh tra của cơ quan Bảo hiểm xã hội Việt Nam và việc thành lập đơn vị thanh tra trong cơ quan này để thực hiện chức năng thanh tra chuyên ngành, còn phạm vi, nội dung thanh tra chuyên ngành của cơ quan này sẽ được quy định tại Luật Bảo hiểm xã hội (sửa đổi) để bảo đảm phù hợp, logic và có sự phân biệt cụ thể với các Bộ quản lý ngành, lĩnh vực về bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế.

- *Về tổ chức và hoạt động của thanh tra Đại học quốc gia Hà Nội, Đại học quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh:* khoản 1 và 2 Điều 41 giao Chính phủ quy định về tổ chức và hoạt động của thanh tra Đại học Quốc gia Hà Nội và Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh. Tuy nhiên, khoản 2 Điều 129 dự thảo Luật đã giao Chính phủ quy định cụ thể về hoạt động thanh tra trong đơn vị sự nghiệp. Do đó, đề nghị cân nhắc về việc gộp nội dung thanh tra trong các Đại học quốc gia vào nội dung tại khoản 2 Điều 129 mà không quy định riêng về thanh tra của 02 đơn vị này tại dự thảo Luật.

**8.10. Về ngạch Thanh tra viên, Thanh tra viên chính và ngạch Thanh tra viên cao cấp (Điều 43, 46 và 47)**

- Về ngạch thanh tra viên:

+ Tại khoản 1, khoản 2 Điều 43 dự thảo Luật quy định *thanh tra viên là công chức… được bổ nhiệm vào ngạch thanh tra*, *Thanh tra viên và Thanh tra viên chính do Bộ trưởng, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh bổ nhiệm theo thẩm quyền quản lý công chức,* trong khi đó, tạikhoản 2 Điều 45 quy định tiêu chuẩn bổ nhiệm vào ngạch Thanh tra viên chính *“đã đỗ kỳ sát hạch chuyên ngành của* ***cơ quan thanh tra****”*.

Bộ Tư pháp cho rằng, quy định này cần được cân nhắc kỹ để có sự thống nhất, tương xứng với việc bổ nhiệm công chức vào ngạch chuyên viên. Theo đó, thanh tra viên hiện nay được xếp tương đương với ngạch chuyên viên. Trong khi đó, theo quy định của Luật Cán bộ, công chức thì công chức có đủ điều kiện theo quy định của ngạch chuyên viên sẽ được bổ nhiệm vào ngạch mà không phải trải qua kỳ thi vào ngạch (khoản 3 Điều 42), chỉ khi bổ nhiệm vào ngạch cao hơn thì phải thi đỗ kỳ thi nâng ngạch. Do đó, quy định phải thi đỗ kỳ sát hạch là chưa thống nhất với các quy định về bổ nhiệm vào ngạch chuyên viên và tương đương tại Luật Cán bộ, công chức, đồng thời tạo ra sự khác biệt với việc bổ nhiệm vào các ngạch tương đương trong hệ thống các cơ quan quản lý nhà nước. Đồng thời, nội dung quy định chưa làm rõ “cơ quan thanh tra” nào sẽ tổ chức kỳ sát hạch? Bên cạnh đó, trường hợp cần yêu cầu cao hơn đối với thanh tra viên thì có thể quy định theo hướng giao Bộ trưởng, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh tổ chức sát hạch đủ điều kiện, tiêu chuẩn trước khi bổ nhiệm vào ngạch thanh tra viên.

- Về ngạch thanh viên chính, thanh tra viên cao cấp:

Khoản 3 Điều 47 quy định tiêu chuẩn bổ nhiệm vào ngạch Thanh tra viên cao cấp là công chức *“được bổ nhiệm giữ chức Chánh thanh tra tỉnh, Chánh thanh tra Bộ, Phó Chánh thanh tra Bộ….”*. Bộ Tư pháp nhận thấy, việc quy định chỉ những công chức giữ chức Chánh thanh tra tỉnh, Chánh thanh tra Bộ, Phó Chánh thanh tra Bộ, Vụ trưởng, Cục trưởng và tương đương… của Thanh tra Chính phủ mới được xem xét bổ nhiệm vào ngạch Thanh tra viên cao cấp cần được rà soát kỹ để bảo đảm tương xứng với các đối tượng được bổ nhiệm vào các ngạch chuyên viên cao cấp và ngạch tương đương trong các cơ quan nhà nước khác cũng như tính chất, yêu cầu của công tác thanh tra.

**8.11. Về xây dựng, ban hành định hướng hoạt động thanh tra hằng năm, kế hoạch thanh tra (Điều 50)**

- Đề nghị cân nhắc chỉnh lý thời hạn xây dựng, ban hành định hướng thanh tra, kế hoạch thanh tra tại Điều 50 để đảm bảo tính khả thi trong thực tiễn. Theo quy định của Dự thảo, chậm nhất vào ngày 30/10, Chánh Thanh tra Bộ, Chánh thanh tra tỉnh mới trình cơ quan quản lý nhà nước cùng cấp phê duyệt kế hoạch thanh tra. Như vậy, nếu quy định chậm nhất vào ngày 20/10, Chánh Thanh tra Sở phải xây dựng kế hoạch thanh tra của mình trên cơ sở căn cứ vào hướng dẫn của cơ quan thanh tra cấp trên là chưa thực sự phù hợp. Bên cạnh đó, trường hợp Kế hoạch thanh tra của Bộ trưởng và Ủy ban nhân dân cấp tỉnh ban hành cùng một ngày (30/10) có thể dẫn tới sự chồng chéo về nội dung. Vì vậy, có thể tính tới phương án thay đổi ngày ban hành kế hoạch thanh tra của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh để các địa phương căn cứ vào kế hoạch của các cơ quan trung ương đã ban hành trước đó và phê duyệt kế hoạch thanh tra của mình.

- Khoản 5 Điều 50 quy định trách nhiệm xây dựng kế hoạch thanh tra của Chánh Thanh tra Sở và Chánh Thanh tra huyện tuy nhiên chưa làm rõ ở những Sở và những huyện không tổ chức Thanh tra Sở, Thanh tra huyện thì việc xây dựng kế hoạch thanh tra sẽ được thực hiện như thế nào?

**8.12. Về căn cứ ra Quyết định thanh tra (Điều 53)**

Khoản 3 Điều 53 dự thảo quy định: *“khi phát hiện có dấu hiệu* ***vi phạm pháp luật rõ ràng****”* là một trong những căn cứ ra quyết định thanh tra. Quy định này đã mở rộng cụm từ “rõ ràng” so với quy định tại khoản 3 Điều 58 Luật Thanh tra năm 2010: *“khi có dấu hiệu vi phạm pháp luật”.* Bộ Tư pháp nhận thấy, “dấu hiệu vi phạm pháp luật rõ ràng” có thể dẫn đến cách hiểu là hành vi tội phạm, đến mức phải truy cứu trách nhiệm hình sự với thủ tục điều tra được tiến hành theo quy định của Bộ luật Tố tụng Hình sự. Do đó, dự thảo Luật cần xác định chính xác vị trí, phạm vi của hoạt động thanh tra; căn cứ ra Quyết định thanh tra để tránh trùng lặp với các hoạt động của cơ quan tiến hành tố tụng khác.

**8.13. Về nguyên tắc xử lý chồng chéo, trùng lặp trong hoạt động thanh tra (Điều 57)**

Khoản 1 Điều 57 quy định về xử lý chồng chéo, trùng lặp giữa hoạt động thanh tra và hoạt động kiểm toán, theo đó: *“chồng chéo, trùng lặp giữa hoạt động thanh tra và hoạt động kiểm toán thì cơ quan thanh tra, cơ quan kiểm toán trao đổi, thống nhất để một cơ quan thực hiện. Trường hợp không thống nhất được thì cơ quan nào đang tiến hành hoạt động thanh tra hoặc kiểm toán trước thì cơ quan đó tiếp tục thực hiện”*. Tại Điều 64a Luật Kiểm toán nhà nước đã có quy định về trách nhiệm của cơ quan kiểm toán, cơ quan thanh tra trong việc phối hợp thực hiện hoạt động thanh tra, kiểm toán để tránh chồng chéo, trùng lắp và xử lý khi có chồng chéo, trùng lắp. Tại dự thảo Luật này cũng chỉ quy định phương án “trao đổi, thống nhất” giữa hai cơ quan trong trường hợp có chồng chéo, trùng lắp. Tuy nhiên, quá trình trao đổi, thống nhất được diễn ra theo quy trình, trình tự, thủ tục nào chưa được quy định một cách cụ thể có khả năng dẫn đến sự kéo dài thời gian một cách tùy nghi trong quá trình thanh tra, kiểm toán.

**8.14. Về xử lý sai phạm trong quá trình thanh tra (Điều 70)**

Khoản 3 Điều 70 dự thảo Luật quy định: *“Khi phát hiện hồ sơ, tài liệu về các hành vi sau đây thì Trưởng đoàn thanh tra phải báo cáo Người ra quyết định thanh tra chuyển hồ sơ, tài liệu đó cho Cơ quan điều tra có thẩm quyền để xem xét, xử lý…”* (như vi phạm quy định về kế toán, đấu thầu, quản lý đất đai…). Tuy nhiên, hoạt động thanh tra gắn với trách nhiệm phát hiện và xử lý các vi phạm bằng thủ tục xử phạt vi phạm hành chính và các biện pháp khác theo quy định của Luật Thanh tra. Nếu tất cả các vi phạm trong những lĩnh vực này khi bị cơ quan thanh tra, người có thẩm quyền tiến hành thanh tra phát hiện đều chuyển cho Cơ quan điều tra mà không phân biệt mức độ vi phạm là không phù hợp. Theo quy định tại khoản 1 Điều 62 Luật Xử lý vi phạm hành chính, khi xem xét vụ vi phạm để quyết định xử phạt vi phạm hành chính, nếu xét thấy hành vi vi phạm có dấu hiệu tội phạm, thì người có thẩm quyền xử phạt phải chuyển ngay hồ sơ vụ vi phạm cho cơ quan tiến hành tố tụng hình sự. Do vậy, đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo cân nhắc lượng hóa mức độ vi phạm của các hành vi nêu trên. Bộ Tư pháp cho rằng, chỉ những hành vi nghiêm trọng, có dấu hiệu tội phạm thì mới phải chuyển cho cơ quan điều tra.

**8.15. Về tạm dừng và đình chỉ cuộc thanh tra (Điều 73, 74)**

- *Về tạm dừng cuộc thanh tra:* khoản 1 Điều 73 quy định các trường hợp tạm dừng cuộc thanh tra nhưng lại không quy định thời hạn tạm dừng. Bộ Tư pháp cho rằng cần quy định khoảng thời gian tối đa được tạm dừng cuộc thanh tra trong thực tế để tránh trường hợp việc tạm dừng bị lạm dụng. Khi những yếu tố bất khả kháng, những nguyên nhân ảnh hưởng nghiêm trọng đến việc tiến hành thanh tra không thể khắc phục được thì có thể đình chỉ cuộc thanh tra. Mặt khác, trình tự tạm dừng được quy định một cách chung chung, khái lược, chưa làm rõ được quy trình, thủ tục và những hệ quả pháp lý khi tạm dừng cuộc thanh tra: các hoạt động thanh tra đang được tiến hành như niêm phong tài liệu; kiểm kê tài sản; trưng cầu giám định; tạm giữ tiền, đồ vật, giấy phép; phong tỏa tài khoản; vấn đề thu hồi tiền, tài sản… sẽ được xử lý như thế nào?

- *Về đình chỉ cuộc thanh tra:* đề nghị cân nhắc quy định tại khoản 5 Điều 74 về việc đình chỉ thanh tra với lý do chồng chéo, trùng lắp trong hoạt động thanh tra tại Điều 57 dự thảo Luật. Việc chồng chéo, trùng lắp trong hoạt động thanh tra đã có các nguyên tắc để xử lý. Vì vậy, cần xem xét đây là trường hợp tạm dừng cuộc thanh tra hay đình chỉ cuộc thanh tra để xử lý vấn đề mâu thuẫn, chồng chéo. Bên cạnh đó, đề nghị cân nhắc quy định quy trình, thủ tục đình chỉ, hệ quả pháp lý đối với các hoạt động thanh tra đang được tiến hành tính đến thời điểm đình chỉ như đã phân tích về tạm dừng cuộc thanh tra nêu trên.

 **8.16. Về việc tạm đình chỉ hành vi vi phạm (Điều 82)**

Khoản 1 Điều 81 dự thảo Luật quy định: *“trong quá trình thanh tra, nếu phát hiện có hành vi đang hoặc sẽ gây thiệt hại nghiêm trọng đến lợi ích nhà nước…thì Trưởng đoàn thanh tra, người ra quyết định thanh tra ra quyết định tạm đình chỉ hành vi vi phạm đó”*. Tuy nhiên, dự thảo Luật cần phân biệt rõ thẩm quyền chấm dứt hành vi vi phạm, lập biên bản vi phạm theo trình tự của Luật Xử lý vi phạm hành chính đối với thủ tục tạm đình chỉ hành vi vi phạm theo quy định của luật này để tránh trùng lắp. Hơn nữa, việc sử dụng cụm từ “tạm đình chỉ” đối với hành vi vi phạm pháp luật là chưa thực sự phù hợp vì dễ dẫn đến cách hiểu các hành vi vi phạm này sẽ chỉ bị đình chỉ tạm thời. Về nguyên tắc, các hành vi vi phạm pháp luật khi bị phát hiện phải được áp dụng các biện pháp cần thiết để buộc chủ thể vi phạm chấm dứt hành vi vi phạm.

**8.17. Về thực hiện quyền trong hoạt động thanh tra và xử lý vi phạm (Điều 78, 83, 84, 85)**

- Mục 5 (gồm 10 điều khoản) dự thảo Luật quy định về nhiệm vụ, quyền hạn của Người ra quyết định thanh tra (Điều 76) và 09 quyền trong hoạt động thanh tra: yêu cầu cung cấp thông tin, tài liệu, niêm phong tài sản, kiểm kê tài sản… Bộ Tư pháp nhận thấy, một số văn bản quy phạm pháp luật chuyên ngành cũng có quy định về việc thực hiện các quyền hạn đặc thù của thanh tra chuyên ngành trong lĩnh vực đó: Luật quản lý thuế, Luật Chứng khoán, Luật Hàng không dân dụng, Bộ luật Hàng hải… Do đó, đề nghị bổ sung tại điều 76 dự thảo Luật về nhiệm vụ, quyền hạn của Người ra quyết định thanh tra chuyên ngành được: *“thực hiện các nhiệm vụ khác theo quy định của pháp luật”*.

Bên cạnh đó, khoản 1 Điều 78 dự thảo Luật quy định: “người tiến hành thanh tra có quyền yêu cầu cơ quan, tổ chức, cá nhân có thông tin, tài liệu liên quan đến nội dung thanh tra cung cấp thông tin tài liệu” và cá nhân, tổ chức, cơ quan được yêu cầu có trách nhiệm cung cấp kịp thời theo yêu cầu của Trưởng đoàn thanh tra, thành viên Đoàn thanh tra hoặc Người ra quyết định thanh tra. Tuy nhiên, theo quy định tại khoản 2 Điều 130 Luật Chứng khoán năm 2019 quy định: *“Việc yêu cầu cơ quan, tổ chức, cá nhân cung cấp thông tin, tài liệu, dữ liệu, giải trình, đến làm việc theo quy định tại khoản 1 Điều* ***này phải được Chủ tịch Ủy ban Chứng khoán Nhà nước phê duyệt và được thực hiện bằng văn bản, nêu rõ mục đích, căn cứ, nội dung, phạm vi yêu cầu****”.* Như vậy, cần phải xác định rõ nguyên tắc áp dụng trình tự, thủ tục thực hiện các quyền trong hoạt động thanh tra trong trường hợp Luật chuyên ngành có quy định về trình tự, thủ tục thực hiện các quyền này khác với Luật Thanh tra.

- Theo quy định của Luật Thanh tra hiện hành và dự thảo Luật, thì các biện pháp: tạm giữ tiền, đồ vật, giấy phép; yêu cầu tổ chức tín dụng phong tỏa tài khoản của đối tượng thanh tra; thu hồi tiền, tài sản bị chiếm đoạt, sử dụng trái phép hoặc bị thất thoát do hành vi trái pháp luật gây ra… chỉ được thực hiện đối với tiền, tài sản liên quan đến nội dung thanh tra, trong phạm vi thanh tra. Như vậy, trường hợp phát hiện tiền, tài sản có liên quan đến hành vi vi phạm pháp luật nhưng không thuộc phạm vi thanh tra thì người có thẩm quyền trong hoạt động thanh tra cũng không được áp dụng một trong các biện pháp trên. Bên cạnh đó, dự thảo Luật cũng chưa có quy định cụ thể đối với trường hợp phát hiện có dấu hiệu tội phạm, thì cùng với việc chuyển hồ sơ sang cơ quan điều tra để xử lý hình sự theo thủ tục tố tụng hình sự, cơ quan thanh tra có tiếp tục áp dụng các biện pháp ngăn chặn hay không? Bộ Tư pháp đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo cân nhắc nghiên cứu, bổ sung một số biện pháp ngăn chặn mà cơ quan thanh tra hoặc người có thẩm quyền trong hoạt động thanh tra có thể áp dụng nhằm ngăn chặn nguy cơ tẩu tán tiền, tài sản theo hướng trong quá trình thanh tra, nếu phát hiện tiền, tài sản của đối tượng thanh tra đang sử dụng trái phép, bị chiếm đoạt hoặc bị thất thoát do hành vi vi phạm pháp luật gây ra nhưng không thuộc phạm vi thanh tra, thì người có thẩm quyền trong hoạt động thanh tra có quyền áp dụng một trong các biện pháp ngăn chặn là yêu cầu tạm giữ tiền, tài sản hoặc yêu cầu phong toả tài khoản nhằm ngăn ngừa việc tẩu tán, dịch chuyển tiền, tài sản đó trước khi có quyết định thanh tra mới hoặc quyết định sửa đổi, bổ sung Kế hoạch thanh tra để mở rộng phạm vi thanh tra. Đồng thời, quy định rõ đối với trường hợp phát hiện có dấu hiệu tội phạm, thì cùng với việc chuyển hồ sơ sang cơ quan điều tra để xử lý theo trình tự, thủ tục tố tụng hình sự, cơ quan thanh tra có thể tiếp tục áp dụng các biện pháp ngăn chặn để ngăn ngừa nguy cơ tẩu tán tài sản, dịch chuyển tiền, tài sản[[9]](#footnote-9).

- Khoản 1 Điều 84 dự thảo Luật quy định: khi có căn cứ cho rằng đối tượng thanh tra tẩu tán tài sản…thì Người ra quyết định thanh tra có văn bản yêu cầu tổ chức tín dụng nơi đối tượng thanh tra có tài khoản phong tỏa tài khoản để thực hiện việc thanh tra. Tuy nhiên, trường hợp sau khi phong tỏa tài khoản, đối tượng vẫn chây ỳ, trì hoãn không thực hiện quyết định thu hồi tiền, tài sản thì cần nghiên cứu cơ chế để yêu cầu tổ chức tín dụng chuyển tiền từ tài khoản của đối tượng thanh tra cho cơ quan thanh tra[[10]](#footnote-10).

- Khoản 1 Điều 85 dự thảo Luật quy định: *“Khi có căn cứ kết luận tiền, tài sản bị chiếm đoạt… thì Người ra quyết định thanh tra ra quyết định thu hồi”.* Tuy nhiên, quy trình, thủ tục thu hồi tiền tài sản trong hoạt động thanh tra và các hậu quả pháp lý phát sinh chưa được quy định một cách cụ thể. Mặt khác, đề nghị cân nhắc vấn đề thu hồi tài sản sử dụng trái phép là những loại tài sản có tính chất đặc thù (ví dụ: giấy tờ có giá, chứng khoán…) thì cùng với việc thu hồi cần tính đến quy trình xác định giá trị, cách thức xử lý, thời điểm xử lý (ví dụ: khi nào bán giấy tờ có giá hoặc thực hiện giao dịch bán chứng khoán bị thu hồi…) các loại tài sản này cũng cần phải được nghiên cứu và làm rõ[[11]](#footnote-11) để đảm bảo việc thu hồi, tiền, tài sản bị chiếm đoạt, sử dụng trái phép hoặc thất thoát do hành vi trái pháp luật gây ra.

Bên cạnh đó, khoản 2 Điều 85 quy định trường hợp đối tượng không chấp hành hoặc chấp hành không nghiêm chỉnh quyết định thu hồi thì có thể bị xử phạt vi phạm hành chính. Quy định này cùng với quy định về xử phạt vi phạm hành chính hành vi không thực hiện yêu cầu, kết luận, quyết định, xử lý về thanh tra (khoản 2 Điều 94 và khoản 3 Điều 107 dự thảo Luật) cho thấy dự thảo Luật sẽ dự kiến giao Chính phủ quy định về vấn đề xử lý vi phạm trong lĩnh vực này. Tuy nhiên, cần lưu ý rằng, Luật Xử lý vi phạm hành chính hiện hành chưa có quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực quản lý của cơ quan thanh tra. Mặt khác, một số nghị định xử phạt vi phạm hành chính trong các lĩnh vực chuyên ngành (chứng khoán, đất đai, hải quan…) đã có những quy định xử phạt đối với các hành vi vi phạm về kiểm tra, thanh tra, ví dụ: *hành vi không chấp hành quyết định kiểm tra, thanh tra của cơ quan hải quan; từ chối cung cấp thông tin, tài liệu, dữ liệu điện tử hoặc cung cấp không đúng hạn trong lĩnh vực chứng khoán; tẩu tán hoặc có hành vi khác làm thay đổi tình trạng niêm phong tiền, chứng khoán; hành vi không chấp hành quyết định thanh tra thuế*…[[12]](#footnote-12) Do đó, trường hợp xét thấy cần phải có quy định riêng để khắc phục “lỗ hổng” về chế tài xử lý trong hoạt động thanh tra nói chung thì đề nghị sửa đổi, bổ sung lĩnh vực này vào Luật Xử lý vi phạm hành chính.

**8.18. Về thẩm định dự thảo Kết luận thanh tra (Điều 89)**

- Khoản 1 Điều 89 dự thảo Luật quy định *“Người ra quyết định thanh tra trực tiếp xem xét”* là một hình thức thẩm định dự thảo Kết luận là không phù hợp, vì đó là trách nhiệm và hoạt động đương nhiên của Người ra quyết định khi xem xét, phê duyệt các dự thảo Kết luận thanh tra. Bên cạnh đó, việc chịu trách nhiệm về nội dung, chất lượng của dự thảo Kết luận trước người ra quyết định thanh tra thuộc về Đoàn thanh tra và tại dự thảo Luật cũng đã có quy định về người ra quyết định thanh tra có quyền yêu cầu trưởng đoàn thanh tra, thành viên đoàn thanh tra báo cáo, giải trình để làm rõ thêm những vấn đề dự kiến kết luận về nội dung thanh tra (Điều 88). Do đó, việc phân công cho tổ chức, cá nhân khác thẩm định dự thảo Kết luận thanh tra, nhất là đối với những vụ việc phức tạp, liên quan tới nhiều ngành, lĩnh vực, kéo dài… là rất khó khả thi đối với những người không tham gia vào các đoàn thanh tra vụ việc cụ thể.

- Về nội dung, phạm vi thẩm định dự thảo Kết luận thanh tra: dự thảo Luật chỉ xác định mục đích thẩm định nhằm *“bảo đảm mục đích, yêu cầu và các nội dung theo Quyết định thanh tra, kết hoạch thanh tra được phê duyệt”* mà không xác định cụ thể phạm vi, nội dung thẩm định, giá trị pháp lý của văn bản thẩm định đối với dự thảo Kết luận thanh tra. Việc đặt ra trách nhiệm của người thẩm định “trước pháp luật về báo cáo kết quả thẩm định” cũng không rõ là trách nhiệm gì, cơ sở nào để xác định trách nhiệm của người thẩm định trước pháp luật, trong khi đó, nội dung của dự thảo Kết luận thanh tra quy định tại khoản 1 Điều 88 rất rộng và đòi hỏi người thẩm định phải có trình độ hiểu biết cao về nghiệp vụ thanh tra và am hiểu sâu rộng các lĩnh vực quản lý nhà nước mới có thể đánh giá, phát biểu ý kiến.

Bên cạnh đó, tại Trang 15 Tờ trình, cơ quan chủ trì soạn thảo có đề cập đến việc tiếp thu các ý kiến đối với nội dung về thẩm định dự thảo Kết luận thanh tra để đề xuất khi xây dựng dự thảo Nghị định quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật Thanh tra. Tuy nhiên, Điều 89 dự thảo lại không có nội dung nào giao Chính phủ quy định chi tiết vấn đề này.

**8.19. Về giám sát hoạt động của đoàn thanh tra (Mục 7)**

**-** Mục 7 dự thảo Luật chỉ quy định các vấn đề về trách nhiệm, nhiệm vụ, quyền hạn; nội dung giám sát và tổ chức việc giám sát nhưng chưa làm rõ các vấn đề: thời điểm bắt đầu thực hiện giám sát? Công chức hoặc Tổ giám sát được giao nhiệm vụ có cùng tham gia với Đoàn thanh tra trong suốt quá trình thanh tra để thực hiện chức năng giám sát của mình hay không? Thủ trưởng cơ quan, đơn vị quản lý trực tiếp công chức tham gia Đoàn thanh tra giám sát công chức thuộc thẩm quyền quản lý của mình bằng hình thức nào? Trách nhiệm của người giám sát đối với kết quả giám sát?...

- Khoản 1 Điều 96 quy định phạm vi giám sát của Đoàn thanh tra gồm: việc chấp hành quy định của pháp luật về thẩm quyền, trình tự, thủ tục thực hiện các quyền, nghĩa vụ trong hoạt động thanh tra; việc thực hiện thanh tra theo Quyết định thanh tra, kế hoạch thanh tra, chế độ thông tin, báo cáo; chấp hành pháp luật về các hành vi bị cấm… Bộ Tư pháp nhận thấy, hoạt động giám sát, báo cáo kết quả giám sát là một trong những căn cứ để Người ra quyết định thanh tra ra kết luận thanh tra (khoản 4 Điều 99). Như vậy, mục đích của hoạt động này cũng giao thoa với hoạt động thẩm định dự thảo Kết luận thanh tra *“bảo đảm mục đích, yêu cầu và các nội dung theo Quyết định thanh tra, kết hoạch thanh tra được phê duyệt”* (khoản 1 Điều 89). Bên cạnh đó, khi tiến hành giám sát, người thực hiện giám sát cũng tiến hành việc thu thập các thông tin, tài liệu tương tự như người thẩm định. Hơn nữa, hoạt động giám sát còn thực tế, khách quan hơn khi người giám sát có thể cùng tham gia đoàn thanh tra và thực hiện quyền làm việc với Đoàn thanh tra, đối tượng thanh tra và cơ quan, tổ chức, cá nhân liên quan đến nội dung giám sát (là những quyền người thẩm định không có). Do vậy, đề nghị cân nhắc với tích hợp quy trình thẩm định dự thảo Kết luận vào quy trình giám sát để bảo đảm tính thống nhất, hiệu quả, tránh yếu tố hình thức, có thể gây ra phức tạp cho hoạt động thanh tra.

**8.20. Về khiếu nại trong hoạt động Thanh tra (Điều 100 và 101)**

- Khoản 1 Điều 101 dự thảo Luật quy định Trưởng đoàn thanh tra có trách nhiệm xem xét, giải quyết các phản ánh, kiến nghị đối với các quyết định, hành vi của mình, của thành viên đoàn thanh tra. Tuy nhiên, quy định này không phù hợp với tên của Điều là thẩm quyền, trình tự, thủ tục giải quyết khiếu nại. Mặt khác, quy trình để Trưởng đoàn thanh tra xem xét, giải quyết kiến nghị phản ánh chưa được làm rõ.

- Điều 100 dự thảo Luật quy định đối tượng thanh tra và các cá nhân, tổ chức có liên quan đến hoạt động thanh tra có quyền ***khiếu nại đối với các quyết định, hành vi của người tiến hành thanh tra, quyết định xử lý về thanh tra****.* Tuy nhiên, khoản 2, 3 Điều 101 chỉ quy định: *“Thủ trưởng cơ quan thanh tra* ***có thẩm quyền giải quyết khiếu nại đối với các quyết định của mình****, của Trưởng đoàn thanh tra và thành viên đoàn thanh tra”*; *“****Thủ trưởng cơ quan thanh tra có thẩm quyền giải quyết khiếu nại đối với quyết định*** *xử lý về thanh tra của mình của các cơ quan thuộc quyền quản lý trực tiếp của mình”.* Vì vậy, đề nghị bổ sung đối với nội dung này.

**8.21. Về tổ chức và hoạt động thanh tra trong Quân đội nhân dân (Điều 127)**

Hiện nay, trong cơ cấu tổ chức của quân đội nhân dân có các lực lượng: Cảnh sát biển, Cơ yếu có chức năng thanh tra và tại Luật Cảnh sát biển năm 2018, Luật Cơ yếu năm 2011 đều có quy định về chức năng thanh tra của lực lượng Cảnh sát biển, của Ban Cơ yếu Chính phủ. Do đó, đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo phối hợp chặt chẽ với Bộ Quốc phòng để làm rõ sự cần thiết của việc bổ sung quy định về thanh tra Cảnh sát biển, thanh tra Cơ yếu (bao gồm chức năng thanh tra hành chính và chuyên ngành) tại Điều 127 dự thảo Luật.

**III. KẾT LUẬN**

Bộ Tư pháp đánh giá cao sự chuẩn bị tích cực và những tư duy đổi mới của Thanh tra Chính phủ thể hiện qua dự án Luật Thanh tra (sửa đổi) đối với tổ chức, hoạt động thanh tra nhằm phát huy vai trò của lực lượng thanh tra thực sự trở thành một thiết chế kiếm soát quyền lực hiệu quả theo hướng chuyên nghiệp, hiện đại và thống nhất. Tuy nhiên, như đã phân tích, những nội dung tại dự thảo

Luật có tác động rất lớn đến hoạt động thanh tra, hệ thống tổ chức bộ máy nhà nước, nguồn nhân lực, kinh phí để bảo đảm việc thực thi Luật này sau khi được ban hành; đồng thời, có tác động, xung đột với rất nhiều các văn bản quy phạm pháp luật trong hệ thống pháp luật Việt Nam. Bộ Tư pháp nhận thấy, những vấn đề này chưa được tổng kết, đánh giá, thuyết minh, lý giải một cách toàn diện, cụ thể. Đặc biệt, Đề án kiện toàn, sắp xếp lại tổ chức bộ máy cơ quan thanh tra chưa được ban hành cũng làm giảm đi tính thuyết phục của nội dung dự án Luật do việc cung cấp các luận cứ khoa học, lý thuyết, thực tiễn làm căn cứ cho việc sửa đổi chưa thực sự rõ ràng. Do đó, Bộ Tư pháp đề nghị chưa nên trình dự án Luật do còn nhiều ý kiến khác nhau về những vấn đề lớn của dự thảo Luật như đã nêu tại Báo cáo thẩm định này.

Trên đây là nội dung thẩm định của Bộ Tư pháp đối với dự án Luật Thanh tra (sửa đổi), xin gửi tới Qúy cơ quan để nghiên cứu, chỉnh lý và tổng hợp báo cáo Chính phủ xem xét, quyết định./.

|  |  |
| --- | --- |
| ***Nơi nhận:*** - Như trên; - Bộ trưởng (để b/c);- Vụ Các VĐCXDPL (để theo dõi); - Lưu: VT, Vụ PL HSHC (3b). | **KT. BỘ TRƯỞNG****THỨ TRƯỞNG** ***(đã ký)*****Đặng Hoàng Oanh** |

1. Bao gồm đại diện Văn phòng Quốc hội, Văn phòng Chính phủ, Bộ Tài chính, Bộ Công an, Bộ Nội vụ, Bộ Quốc phòng, Bộ Ngoại giao, Bộ Giao thông vận tải, Viện Kiểm sát Nhân dân Tối cao… và một số đơn vị của Bộ Tư pháp [↑](#footnote-ref-1)
2. Nghị quyết số 48-NQ/TW ngày 24/5/2005 của Bộ Chính trị về Chiến lược xây dựng và hoàn thiện hệ thống pháp luật Việt Nam đến năm 2010, định hướng đến năm 2020; Nghị quyết số 04-NQ/TW ngày 21/8/2006 của Hội nghị lần thứ ba Ban Chấp hành Trung ương Đảng; Nghị quyết số 18-NQ/TW Hội nghị lần thứ 6 Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XII về một số vấn đề về tiếp tục đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả… [↑](#footnote-ref-2)
3. Tại Báo cáo số 2350/BC-TTCP ngày 27/12/2019 về việc tiếp thu, giải trình ý kiến thẩm định của Bộ Tư pháp đối với hồ sơ đề nghị xây dựng Luật Thanh tra (sửa đổi) ngày 27/12/2019 của Thanh tra Chính phủ đã khẳng định*: “Thanh tra Chính phủ sẽ xem xét, xây dựng Đề án kiện toàn, sắp xếp lại tổ chức bộ máy cơ quan thanh tra trong quá trình xây dựng dự thảo Luật Thanh tra”*. Bên cạnh đó, tại Báo cáo số 3129/BC-UBPL14 ngày 17/4/2020 của Ủy ban Pháp luật thẩm tra đề nghị xây dựng Luật Thanh tra (sửa đổi) cũng nhấn mạnh cần: *“sớm có Đề án về đổi mới tổ chức và hoạt động thanh tra báo cáo cấp có thẩm quyền quyết định làm cơ sở cho các chính sách được đề xuất trong dự án Luật”.* [↑](#footnote-ref-3)
4. Điều 68, 69, 70 Luật An toàn thực phẩm năm 2010 [↑](#footnote-ref-4)
5. Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xử lý vi phạm hành chính có hiệu lực thi hành từ ngày 01/01/2022 [↑](#footnote-ref-5)
6. Năm 2015, các Sở Tư pháp đã tiến hành 537 cuộc thanh tra, kiểm tra đối với 1166 tổ chức, ban hành 161 Quyết định xử phạt vi phạm hành chính đối với 207 tổ chức, cá nhân có vi phạm với tổng số tiền xử phạt là 671.500.000 đồng

 Năm 2016, 55/63 Sở Tư pháp đã tiến hành 417 cuộc thanh tra, kiểm tra đối với 861 tổ chức, ban hành 95 Quyết định xử phạt vi phạm hành chính đối với 79 tổ chức, cá nhân có vi phạm với tổng số tiền xử phạt là 504.500.000 đồng

 Năm 2017, các Sở Tư pháp đã tiến hành 414 cuộc thanh tra, kiểm tra đối với 893 tổ chức, ban hành 182 Quyết định xử phạt vi phạm hành chính đối với 106 tổ chức, cá nhân có vi phạm với tổng số tiền xử phạt là 1.150.000.000 đồng

 Năm 2018, các Sở Tư pháp đã tiến hành 537 cuộc thanh tra, kiểm tra đối với 1082 tổ chức, ban hành 217Quyết định xử phạt vi phạm hành chính đối với 208 tổ chức, cá nhân có vi phạm với tổng số tiền xử phạt là 1.161.500.000 đồng

 Năm 2019, các Sở Tư pháp đã tiến hành 502 cuộc thanh tra, kiểm tra đối với 902 tổ chức, ban hành 191 Quyết định xử phạt vi phạm hành chính đối với 187 tổ chức, cá nhân có vi phạm với tổng số tiền xử phạt là 604.200.000 đồng

 Năm 2020, các Sở Tư pháp đã tiến hành 400 cuộc thanh tra, kiểm tra đối với 682 tổ chức, ban hành 161 Quyết định xử phạt vi phạm hành chính đối với 137 tổ chức, cá nhân có vi phạm với tổng số tiền xử phạt là 871.500.000 đồng [↑](#footnote-ref-6)
7. Theo các Quyết định số 918/2015/QĐ-TANDTC ngày 23/6/2015 của Chánh án Tòa án Nhân dân tối cao về tổ chức bộ máy, nhiệm, quyền hạn của các đơn vị trong bộ máy giúp việc của Tòa án Nhân dân tối cao; Quyết định số 192/QĐ-VKSTC ngày 15/5/2019 của Viện trưởng Viện Kiểm sát Nhân dân tối cao ban hành quy chế tổ chức và hoạt động của thanh tra viện kiểm sát nhân dân thì cơ quan thanh tra của các cơ quan này còn thực hiện các nhiệm vụ như: *xây dựng, trình phê duyệt và tổ chức triển khai thực hiện, theo dõi, đôn đốc việc thực hiện kế hoạch, chương trình công tác thanh tra, kiểm tra…; Thanh tra việc thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của cán bộ, công chức, viên chức; Thanh tra, kiểm tra việc thực hiện quy định của pháp luật và của Tòa án nhân dân về sử dụng ngân sách…; Kiểm tra việc chấp hành ký luật công vụ, trật tự nội vụ của cơ quan, đơn vị, công chức, viên chức, người lao động thuộc Viện kiểm sát nhân dân các cấp…* [↑](#footnote-ref-7)
8. Dự thảo Báo cáo đánh giá tác động của chính sách Luật Bảo hiểm xã hội (sửa đổi) gửi kèm Công văn số 1082/LĐTBXH-BHXH ngày 16/4/2021 về việc lấy ý kiến đối với Hồ sơ đề nghị xây dựng Luật Bảo hiểm xã hội (sửa đổi) [↑](#footnote-ref-8)
9. Bộ Tư pháp đã có Báo cáo số 03/TTr-BTP ngày 25/02/2021 gửi Thủ tướng Chính phủ báo cáo về việc Nghiên cứu, đề xuất xây dựng biện pháp, tịch thu tài sản không qua thủ tục kết tội và đề xuất hoàn thiện pháp luật liên quan, trong đó, đã có đề xuất một số phương án sửa đổi các quy định của Luật Thanh tra hiện hành [↑](#footnote-ref-9)
10. Ví dụ tham khảo tương tự: Luật Thi hành án dân sự 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2014) quy định biện pháp khấu trừ tiền trong tài khoản của người phải thi hành án, theo đó, cơ quan, tổ chức đang quản lý tài khoản phải khấu trừ tiền để chuyển vào tài khoản của cơ quan thi hành án dân sự (Điều 73); đối với giấy tờ có giá, trường hợp người phải thi hành án hoặc cơ quan, tổ chức, cá nhân giữ giấy tờ có giá không giao giấy tờ cho cơ quan thi hành án dân sự thì Chấp hành viên yêu cầu cơ quan, tổ chức có thẩm quyền chuyển giao giá trị của giấy tờ đó để thi hành án (Điều 82) [↑](#footnote-ref-10)
11. Trong hoạt động thi hành án, Luật Thi hành án dân sự cũng quy định biện pháp bán giấy tờ có giá (Điều 83) là biện pháp cưỡng chế thi hành án [↑](#footnote-ref-11)
12. Nghị định số 156/2020/NĐ-CP của Chính phủ ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực chứng khoán và thị trường chứng khoán; Nghị định 128/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực hải quan; Nghị định số 125/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ quy định về xử phạt vi phạm hành chính về thuế, hóa đơn… [↑](#footnote-ref-12)